

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 06 – 01 - 2026

Về: “*Tranh chấp, hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trí, bà Phan Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2025/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2025/QĐXX- DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 350/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1997. CCCD số 092197008674; nơi cư trú: Ấp T, xã V, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số Đ, khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ, theo Văn bản ủy quyền ngày 13/8/2025 của Văn phòng C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 – bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1973; cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt ông Đ, vắng mặt ông B – bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/9/2024 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn Đ - đại diện theo ủy quyền cho bà T trình bày:

Vào ngày 16/3/2023, bà T cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Thanh H vay 130.800.000đồng, để ông B - bà H sử dụng chung gia đình. Khi vay ông B - bà H có ký “*Văn bản thỏa thuận cho mượn tiền*”, với thời hạn vay 30 ngày, kể từ ngày 16/3/2023 và lãi suất các bên thỏa thuận (nhưng không vượt quá

lãi suất của Ngân hàng N quy định). Quá trình thực hiện ông B – bà H chỉ trả lãi cho bà T được 2.185.000đồng rồi ngưng, nhiều lần đòi thì ông B – bà H hẹn mà không trả. Nay bà T yêu cầu ông B – bà H phải trả ngay vốn 130.800.000đồng cùng lãi đến ngày 17/8/2025 là 91.560.000 đồng, tổng cộng 222.360.000 đồng và lãi suất phát sinh đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Thanh H đã được tổng đạt thông báo về thụ lý vụ án, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B - bà H vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông Đ thay đổi một phần yêu cầu. Cụ thể: Yêu cầu ông B – bà H trả vốn cùng với lãi suất quá hạn từ ngày 17/4/2023 đến khi xét xử theo mức lãi suất quá hạn của 10%/năm. Đối với yêu cầu tính lãi trước đây theo mức 2,5%/01 tháng bằng 30%/năm, chênh lệch 15%, ông rút lại.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ Văn bản thỏa thuận cho mượn tiền ngày 16/03/2023 thì cả ông B – bà H cùng ký nhận vay của bà T 130.800.000đồng, nên bà T kiện là có cơ sở. Thời hạn vay 30 ngày, kể từ ngày 16/3/2023, nhưng quá hạn 30 ngày ông B – bà H không trả, nên bà T kiện yêu cầu tính lãi quá hạn kể từ ngày 17/4/2023 là có căn cứ. Lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất của Ngân hàng N quy định tại thời điểm cho vay 10%. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi 01 phần yêu cầu từ 30% năm còn 15%/năm là phù hợp, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn B - bà Lê Thị Thanh H đã được tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử trong trường hợp vắng mặt ông B – bà H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho ông B – bà H vay nhưng ông, bà không trả dứt điểm, căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu - Thẩm quyền: Ngày cho vay là 16/3/2023 thỏa thuận khi vay trong 30 ngày trả, nhưng ông B – bà H không thực hiện đúng, nên ngày 13/8/2025 bà T khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; ông B – bà H cư trú tại xã C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân khu vực 11,

tỉnh An Giang thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận vay trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng vay hợp pháp. Tuy nhiên, do ông B – bà H vắng mặt từ đầu, không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu kiện của bà T, nên theo từng yêu cầu của bà T, HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Về vốn vay: Tại phiên tòa, ông Đ giữ nguyên yêu cầu trả vốn 130.800.000đồng, kèm theo tài liệu chứng cứ là Văn bản thỏa thuận cho mượn tiền ngày 16/03/2023 chính do ông B – bà H ký nhận, nhưng ông B – bà H không có ý kiến phản đối, chứng tỏ ông B – bà H có nợ bà T và yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, HĐXX chấp nhận.

[4.2]. Về lãi suất: Thỏa thuận thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 16/3/2023, nhưng quá trình thực hiện ông B – bà H chỉ trả được 2.185.000đồng thì không trả tiếp, chứng tỏ vi phạm hợp đồng nên ông B – bà H phải trả lãi trong hạn và quá hạn cho bà T.

Thỏa thuận lãi suất khi vay không vượt quá lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định mà lãi suất Ngân hàng N quy định tại thời điểm vay theo đại diện ủy quyền nguyên đơn cho biết là 10%/năm, như vậy lãi suất quá hạn x 150% bằng 15%/năm. Cụ thể được tính như sau:

- Đối với khoản vay trong hạn: Thời gian vay 16/3/2023 đến 16/4/2023 là 30 ngày, được tính: $130.800.000\text{đồng} \times 10\% \times (01/12)\text{năm} = 1.090.000\text{đồng}$.

- Đối với khoản vay quá hạn: Thời gian từ ngày 17/4/2023 đến nay ngày 06/01/2026 tương đương 02 năm 08 tháng, được tính: $\{130.800.000\text{đồng} \times 15\% \times 02\text{ năm}\} + \{130.800.000\text{đồng} \times 15\% \times (08/12)/\text{năm}\} = 52.320.000\text{đồng}$.

Tổng cộng vốn lãi là $130.800.000\text{đồng} + 1.090.000\text{đồng} + 52.320.000\text{đồng} = 184.210.000\text{đồng}$.

Do ông B – bà H có trả cho bà T 2.185.000đồng, nên được khấu trừ $184.210.000\text{đồng} - 2.185.000\text{đồng}$ còn lại 182.025.000 đồng, buộc ông B – bà H trả tiếp cho bà T.

Đối với khoản tiền chênh lệch $222.360.000\text{đồng} - 182.025.000\text{đồng} = 40.335.000\text{đồng}$, đại diện nguyên đơn rút lại. Xét rút một phần yêu cầu của đại diện nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp pháp luật, HĐXX công nhận.

[5]. Về nghĩa vụ: Ông B – bà H là vợ chồng, ông B – bà H cùng vay tiền của bà T, mục đích sử dụng chung sinh hoạt gia đình nên phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T theo Điều 288 Bộ luật Dân sự.

[6]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của bà T được chấp nhận, nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp. Riêng ông B – bà H phải chịu án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều

26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 288 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 244, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Ngọc T đối với khoản tiền lãi 40.335.000đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn B – bà Lê Thị Thanh H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ngọc T là 182.025.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn B – bà Lê Thị Thanh H phải cùng chịu 9.101.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang hoàn trả cho ông Lê Thị Ngọc T 5.559.000đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0004025 ngày 13/10/2025.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/01/2026), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Huệ

